

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-PT

Ngày 15/5/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLPT- HNGĐ ngày 13/4/2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/HNGĐ-ST ngày 26/02/2020 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Gi, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐ-PT ngày 22/4/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trịnh Anh Th, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm Lẻ, xã Xuân H, huyện Lạng Gi, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Liêm Xuyên, xã Song Kh, thành phố Bắc Gi, tỉnh Bắc Giang.

* Do có kháng cáo của anh Nguyễn Văn N- Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Anh Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N vào ngày 16/9/2005, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Kh, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Gi, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau, được khoảng 5 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn nhỏ do anh Nguyễn Văn N mắc nghiện ma túy, sau đó bị kết án phạt tù về hành vi tàng trữ ma túy, sau khi đi cải tạo về lại phải đi cai nghiện một thời gian. Năm 2012, vợ chồng thành lập công ty ăn uống kinh doanh, tuy nhiên anh Nguyễn Văn N vẫn

không tu chí làm ăn, mà vẫn dùng ma túy và chơi cờ bạc, nên vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2019. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/7/2012. Ly hôn, chị đề nghị mỗi vợ chồng nuôi một con chung, chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Xuân Ph, để anh Nguyễn Văn N nuôi cháu Nguyễn Duy Đ. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Nguyễn Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn N xác định:

Anh kết hôn với chị Trịnh Anh Th vào ngày 16/9/2005, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Kh, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Gi, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau. Trong cuộc sống vợ chồng anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Trịnh Anh Th đã nhiều lần ngoại tình với nhiều người đàn ông khác. Đồng thời, cũng gian dối anh trong quá trình vợ chồng thành lập công ty kinh doanh. Nay, chị Trịnh Anh Th xin ly hôn anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Trịnh Anh Th có 02 con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/7/2012. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con, yêu cầu chị Trịnh Thị Thư cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, bản án sơ thẩm số: 05/2020/HNGĐ-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Gi đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Anh Th được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung:

Giao cho chị Trịnh Anh Th trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/7/2012. Giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/7/2006. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

Chị Trịnh Anh Th và anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/3/2020, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không có đơn xin rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn là chị Trịnh Anh Th trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh N, anh N trình bày không đúng chỉ đi làm có thu nhập 7 triệu đến 10 triệu đồng /tháng. Chị vẫn quan tâm chăm sóc cho con, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con.

- Bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày: Tại cấp sơ thẩm anh không yêu cầu về tài sản chung và công nợ vì anh chưa có căn cứ về việc chị Th làm thất thoát tài sản của Công ty. Nên anh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết về tài sản và công nợ. Anh đề nghị không giao con cho chị Th vì chị Th không đủ tư cách nuôi con, chị Th thường đi chơi, không chăm sóc cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn N được nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Bắc Gi trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do đó kháng cáo của anh Nguyễn Văn N là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, HĐXX thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trịnh Anh Th kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Trịnh Anh Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Chị Trịnh Anh Th đề nghị ly hôn anh Nguyễn Văn N đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Th và anh N đều đồng ý ly hôn với nhau. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho chị Trịnh Anh Th được ly hôn anh Nguyễn Văn N là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về con chung: anh Nguyễn Văn N và chị Trịnh Anh Th có 02 con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/7/2012. Khi ly hôn chị Trịnh Anh Th đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Xuân Ph và để anh Nguyễn Văn N nuôi cháu Nguyễn Duy Đ, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh Nguyễn Văn N đề nghị được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị Trịnh Thị Thư cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nguyện vọng và điều kiện để nuôi con chung của anh Nguyễn Văn N và chị Trịnh Anh Th. Cháu Nguyễn Duy Đ đang ở cùng với anh Nguyễn Văn N, cháu có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Văn N nên cấp sơ thẩm giao con chung Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/7/2006 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Xuân Ph đang ở cùng với chị Trịnh Anh Th, cháu Ph có nguyện vọng ở với chị Trịnh Anh Th nên cấp sơ thẩm giao con chung Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/7/2012 cho chị Trịnh Anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Anh N cho rằng chị Th không đủ tư cách nuôi con, dạy bảo con nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Văn N và chị Trịnh Anh Th đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm anh N cung cấp một số chứng từ kinh doanh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm anh N và chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết, để đảm bảo hai cấp xét xử và phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi đó đủ tài liệu, chứng cứ anh N có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những nội dung trên, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 148; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Anh Th được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung:

Giao cho chị Trịnh Anh Th trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/7/2012. Giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/7/2006. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

Chị Trịnh Anh Th và anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

* **Về án phí sơ thẩm:** Chị Trịnh Anh Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Gi theo biên lai số AA/2016/0000743 ngày 06/12/2019. Xác nhận chị Trịnh Anh Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* **Về án phí phúc thẩm:** Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001166 ngày 23/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Gi, tỉnh Bắc Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố Bắc Gi;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Công tt điện tử của TANDTC;
- Lưu HS; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thân Thắng

Hoàn Thị Thu Hiền

Trần Thị Hà

